**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tuần: 7. Từ ngày 21/10/2024 đến ngày 26/10/ 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Ngày** | **Môn** | | **Tiết** | **Tên bài dạy** | |
| **Hai** | **Sáng**  **21/10** | Toán | 19 | | Phép cộng trong phạm vi 6 (Tiết 2) |
| Mĩ thuật | 7 | | Bài 4. Nét thẳng, nét cong (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 73 | | Bài 34. v, y (Tiết 1) |
| Tiếng Việt | 74 | | Bài 34. v, y (Tiết 2) |
| **Chiều** | Đạo đức | 7 | | Bài 4. Sạch sẽ, gọn gàng (Tiết 1) |
| TNXH | 13 | | Lớp học của em (Tiết 3) |
| HĐTN | 19 | | Sinh hoạt dưới cờ: Rèn nền nếp sinh hoạt |
| **Ba** | **Sáng**  **22/10** | Tiếng Việt | | 75 | Bài 35. Chữ hoa (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 76 | Bài 35. Chữ hoa (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 77 | Tập Viết: Sau bài 34, 35 | |
| Toán | | 20 | Phép cộng trong phạm vi 6 (tiếp theo) (Tiết 1) | |
| **Tư** | **Sáng**  **23/10** | Tiếng Việt | | 78 | Bài 36. am, ap (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 79 | Bài 36. am, ap (Tiết 2) | |
| GDTC | | 13 | Ôn ĐHĐN. Trò chơi: “Nhảy đúng nhảy nhanh” | |
| Âm nhạc | | 7 | Chủ đề: Tình bạn (Tiết 1) | |
| HĐTN | | 20 | Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Tự chăm sóc bản thân | |
| **Sáu** | **Sáng**  **25/10** | Tiếng Việt | | 80 | Bài 37. ăm, ăp (Tiết 1) | |
| Tiếng Việt | | 81 | Bài 37. ăm, ăp (Tiết 2) | |
| Tiếng Việt | | 82 | Tập viết Sau bài 36, 37 | |
| Toán | | 21 | Phép cộng trong phạm vi 6 (Tiết 2) | |
| TNXH | | 14 | Trường học của em (Tiết 1) | |
| **Bảy** | **Sáng**  **26/10** | Tiếng Việt | | 83 | Bài 38. Kể chuyện Chú thỏ thông minh | |
| Tiếng Việt | | 84 | Bài 39. Ôn tập | |
| GDTC | | 14 | Ôn ĐHĐN. Trò chơi: “Nhảy đúng, nhảy nhanh” | |
| HĐTN | | 21 | Sinh hoạt lớp: Chia sẻ việc thực hiện nền nếp sinh hoạt | |

**Toán – Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 16 Phép cộng trong phạm vi 6 (Tiết 2) – Tiết 19**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT** Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: máy chiếu; các que tính, các chấm tròn; một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6

b. Học sinh: VBT Toán 1, tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (22 phút)**  **Hoạt động 1. Thực hành, luyện tập (tt)**  **Bài 2**  - Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm đê tìm kết quả phép tính).  - GV chốt lại cách làm bài.  **Bài 3**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.  Ví dụ câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: 3 + 2 = 5.  **3. Hoạt động vận dụng (5 phút)**  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp (3 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS hát  - HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân.  Chia sẻ trước lớp.  - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp.  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Mĩ thuật – Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 4 Nét thẳng, nét cong (Tiết 1) – Tiết 7**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

a. Phẩmchất: Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phảm chất như chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực,…thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Yêu thích cái đẹp thông qua biểu hiện sự đa dạng của nét trong tự nhiên, cuộc sống và tác phẩm mĩ thuật.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu,…phục vụ học tập, tự giác tham gia hoạt động học tập.

- Không tự tiện lấy đò dùng học tập của bạn; chia sẻ ý kiến theo đúng cảm nhận của mình.

- Biết giữ vệ sinh lớp học, tôn trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

b. Năng lực: Bài học góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực sau:

\* Năng lực mĩ thuật

- Nhận biết nét thẳng, nét cong và sự khác nhau của chúng.

- Tạo được sản phẩm đơn giản bằng nét thẳng , nét cong.

- Bước đầu chia sẻ được nhận biết về nét thẳng, nét cong ở đối tượng thẩm mĩ và sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

\* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chuẩn bị đồ dùng, vật liệu để học tập; chủ động trong hoạt động học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét sản phẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, họa phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

\* Năng lực đặc thù khác

- Năng lực ngôn ngữ:thông qua trao đổi, thảo luận theo chủ đề.

- Năng lực thể chất: thực hiện các thao tác thực hành với sự vận động của bàn tay.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Học sinh: SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; đồ dùng, vật liêu như mục Chuẩn bị trang 18 SGK, màu vẽ, vật liệu dạng sợi, que tính, sợi dây, …

b.Giáo viên**:** SGK Mĩ thuật 1, Vở Thực hành Mĩ thuật 1; phương tiện, họa cụ, họa phẩm, và vật liệu dạng que ( que tính, thước kẻ, que diêm,…), dạng sơi, giấy màu,…Đồ dùng trực quan các dạng hình kỉ hà, hình nét cong đơn giản.

- Hình minh họa trang 21

- Một số bức tranh, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật sử dụng nét thẳng, nét cong.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - GV giới thiệu một số đồ dùng, sản phẩm, tác phẩm thông qua đồ dùng dạy học.  - GV dùng dây nhảy trong môn thể dục kéo thẳng và uốn/để chùng cho cong xuống. GV kết luận nét cong/ thẳng được tạo ra từ một thứ. Bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu về nét thẳng, nét cong  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **Hoạt động 1. Quan sát, nhận biết**  - GV đưa ra một số hình ảnh và gợi ý quan sát, ví dụ: Cô muốn tìm nét thẳng/ cong, bạn nào nhìn thấy nào?..  - Đặt các câu hỏi liên quan đến hình ảnh trong bài học (phần quan sát- nhận biết) theo dạng phát vấn/ hỏi- đáp:  + Nét cong trong hình ở chỗ nào?  + Em có nhìn thấy những nét cong khác không?  + Ai có thể chỉ ra một vài nét thẳng?  + Xung quanh em có nét thẳng không?  Hoạt động 2. Thực hành, sáng tạo  **2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo.**  - Cho HS quan sát các hình trang 21  + Em thấy hình vẽ gì?  + Hình đó được tạo bằng nét thẳng hay nét cong?  - Tổ chức HS trao đổi và phát biểu về cách vẽ các hình bằng nét thẳng, nét cong đơn giản.  - Hướng dẫn HS cách cầm bút, cách vẽ được đường thẳng không dùng thước kẻ; cách vẽ nhiều nét phác để có một đường như ý muốn.  - Gợi mở HS tạo hình sản phẩm với que thẳng.  2.2. Thực hành, sáng tạo  – Bố trí HS ngồi theo nhóm (6HS).  – Giao nhiệm vụ cho HS: Sáng tạo các hình ảnh bằng nét thẳng, nét cong. GV hướng dẫn dùng một loại nét trước, không phối hợp nét.  – Lưu ý HS có thể tạo hình với một loại nét thẳng, nét cong hoặc có thể kết hợp cả hai kiểu nét.  – Quan sát, hướng dẫn và có thể hỗ trợ HS thực hành.  – Gợi mở nội dung HS trao đổi/thảo luận trong thực hành.  **Hoạt động 3: Cảm nhận, chia sẻ**  – Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm  – Gợi mở HS giới thiệu:  + Hình được tạo từ nét thẳng hay nét cong, hay kết hợp cả hai?  + Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của bản thân, của nhóm khác.  –Liên hệ sự hiện hữu của nét thẳng, nét cong trong cuộc sống.  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp (2 phút)**  – Nhận xét kết quả thực hành, ý thức học, chuẩn bị bài của HS, liên hệ bài học với thực tiễn.  – Gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị. | - HS quan sát  - HS nhắc lại tựa bài  - HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung.  – Quan sát hình ảnh SGK, trang 21.  – Suy nghĩ, trả lời câu hỏi của GV.  - HS phát biểu.  - HS quan sát GV làm mẫu.  - Xem GV làm mẫu, HS quan sát.  - Tạo sản phẩm nhóm  – Tập đặt câu hỏi cho bạn, trả lời, thảo luận, chia sẻ trong thực hành.  – Trưng bày sản phẩm theo nhóm  – Giới thiệu sản phẩm của mình  – Chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình/của bạn  - Lắng nghe.  – Lắng nghe. Có thể chia sẻ suy nghĩ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: v, y – Tiết 73 + 74**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết âm và chữ cái v, y; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có v, y.

- Nối đúng từ ngữ (có âm v, âm y) với hình.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Dì Tư.*

- Viết đúng trên bảng con các chữ và tiếng: v, y, ve, y (tá).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Phiếu khổ to viết nội dung BT đọc hiểu

b. Học sinh: Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1**;** *VBT Tiếng Việt 1,* tập một

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài: âm và chữ cái **v** , **y.**  - GV chỉ từng chữ, phát âm, HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - GV giới thiệu chữ **V, Y** in hoa  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **\*Hoạt động: Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  a) Âm **v,** chữ **v:**  - GV giới thiệu hình con ve**.**  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng **ve**  b) Âm **y,** chữ **y:**  - GV giới thiệu hình cô y tá**.**  - Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng **tá**  \* Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học: **v, y;** 2 tiếng mới: **ve, y tá.** Đánh vần, đọc trơn. HS gắn lên bảng cài: **v, y.**  **3. Hoạt động luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1** **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình)  - GV nêu yêu cầu BT  - Yêu cầu HS đọc từng từ ngữ. / HS nối từ ngữ với hình trong VBT.  - GV chỉ hình, cả lớp nhắc lại.  -Yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài  **3.2.Tập đọc** (BT 3)  a) GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc kể về dì Tư của bạn Hà. Các em nghe bài để biết về dì Tư: Dì làm nghề gì, dì đến nhà Hà, chỉ cho Hà làm gì?  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ: **dì Tư, y tá, trưa qua, y tế xã, khi về, ghé, vẽ lá, vẽ ve.** | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại bài (cá nhân, cả lớp)  - HS lắng nghe  - HS nói: Con ve./Nhận biết: **v, e;** đọc: **ve./**Phân tích tiếng **ve.**/Đánh vần và đọc tiếng: **vờ - e - ve/ ve.**  - HS lắng nghe  - HS nói: **y tá.** Tiếng **y** có âm **y.** / Đánh vần và đọc từ: **y / tờ -a - ta - sắc - tá / y**  - HS thực hiện  - HS neu yêu cầu BT  - 1 HS nói kết quả: 1) ví, 2) vẽ,...  - Cả lớp nhắc lại.  - HS nói thêm 3 - 4 tiếng ngoài bài có âm v (vé, vai, vải, voi, vui,...); có âm **y** (ý nghĩ, chú ý, cố ý, ý chí,...).  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc từ ngữ |
| **Tiết 2** | |
| **3.2. Tập đọc (tt) (20 phút)**  d) Luyện đọc câu  - Bài có mấy câu? (GV chỉ từng câu cho HS).  - (Đọc vỡ từng câu): GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc 1.  e) Đọc tiếp nối từng câu (Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn - mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV gắn lên bảng nội dung BT; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc.  - HS làm bài, báo cáo kết quả,  - GV ghi lại kết quả nối ghép  - Yêu cầu Cả lớp đọc: a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ. b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.  **3.3. Tập viết** (bảng con) (10 phút)  a) HS nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  + Chữ v: cao 2 li; viết 1 nét móc hai đầu, phần cuối nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn nhỏ.  + Chữ y: cao 5 li (2 li trên ĐK 1, 3 li dưới ĐK 1); viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét khuyết ngược.  + Tiếng **ve:** viết chữ **v** trước, chữ **e** sau, chú ý nối nét giữa **v** và **e.**  + Từ **y tá:** viết **y** trước, **tá** sau.  c) HS viết: **v, y** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **ve, y** (tá).  d) Báo cáo kết quả: HS giơ bảng  - GV cùng HS nhận xét  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp (5 phút)**  **-** HDHS củng cố bài  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS  - Về nhà tập viết chữ trên bảng con | - HS đếm: 6 câu  - HS đọc  - HS đọc (cá nhân, từng cặp)  - HS đọc  - Hs đọc: a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ. b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.  - HS đọc các chữ, tiếng vừa đọc: v, y, ve, y tá  - HS theo dõi, quan sát  - HS viết bảng con  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Đạo đức – Lớp 1G**

**Tên bài học: Bài 4. Gọn gàng sạch sẽ (Tiết 1) – Tiết 7**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT** Học xong bài này, HS cần đạt được những yêu cầu sau:

- Nêu được những việc làm chăm sóc bản thân như: vệ sinh răng, miệng, tóc, cơ thể; ăn mặc chỉnh tề để sạch sẽ, gọn gàng.

- Giải thích được vì sao phải sạch sẽ, gọn gàng.

- Tự làm được một số việc vừa sức để bản thân luôn sạch sẽ, gọn gàng.

\* Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học: Bước đầu hình thành được một số nền nếp như: gọn gàng, ngăn nắp; học tập, sinh hoạt đúng giờ; ...

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên

- Băng/đĩa/clip bài hát “Thật đáng yêu” của Nghiêm Bá Hồng (nếu có).

- Một số đạo cụ để đóng vai, để tham gia “Ngày hội sạch sẽ, gọn gàng”.

- Mẫu “Giỏ việc tốt”.

b. Học sinh: Sách giáo khoa *Đạo đức 1.*

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - GV tổ chức cho HS hát hoặc nghe bài hát “Thật đáng yêu” – Nhạc và lời Nghiêm Bá Hồng.  - GV nêu câu hỏi: Vì sao bạn nhỏ trong bài hát lại đáng yêu?  - GV nhận xét và giới thiệu bài mới | - HS hát  - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình kiến thức mới (20 phút)**  **Hoạt động 1. Quan sát tranh**  \* Mục tiêu: HS xác định được ai là người sạch sẽ, gọn gàng  \* Cách tiến hành | |
| - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát tranh ở mục a SGK *Đạođức 1,* trang 19 và xác định ai là người sạch sẽ, gọn gàng.  - GV mời một số HS trình bày ý kiến.  - GV kết luận: Bạn trong tranh 2 là người sạch sẽ, gọn gàng vì: tóc được chải gọn, quần áo sạch sẽ. | - HS quan sát tranh  - HS trình bày ý kiến |
| **Hoạt động 2. Tìm hiểu những biểu hiện của sạch sẽ, gọn gàng**  \* Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện của sạch sẽ, gọn gàng  \* Cách tiến hành | |
| - GV yêu cầu HS nêu những biểu hiện của sạch sẽ, gọn gàng.  - GV mời một số HS lên trình bày.  - GV kết luận: Những biểu hiện của người sạch sẽ gọn gàng: chân, tay, mặt,... luôn sạch; tóc được chải gọn; quần áo chỉnh tề, sạch sẽ. | - HS nêu  - HS trình bày  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu những việc cần làm để sạch sẽ, gọn gàng**  \* Mục tiêu: HS nêu được những việc cần làm để luôn sạch sẽ, gọn gàng và lợi ích của những việc làm đó  \* Tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học: Bước đầu hình thành được một số nền nếp như: gọn gàng, ngăn nắp; học tập, sinh hoạt đúng giờ; ...  \* Cách tiến hành | |
| - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh ở mục c SGK *Đạo đức 1,* trang 20 và trả lời các câu hỏi:  a. Bạn trong mỗi tranh đang làm để sạch sẽ, gọn gàng?  b. Những việc làm đó nên được thực hiện vào lúc nào?  c. Những việc làm đó có ích lợi gì?  - GV mời một số HS đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi mở rộng: Ngoài những việc làm trên, em còn biết những việc làm nào khác để luôn sạch sẽ, gọn gàng?  - GV mời HS trả lời câu hỏi.  - GV kết luận | - HS quan sát, làm việc nhóm và trả lời câu hỏi  - Đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (10 phút)**  **Hoạt động 3: Nhận xét tranh**  \* Mục tiêu: HS xác định được những việc không nên làm để bản thân sạch sẽ, gọn gàng  - HS được phát triển kỹ năng tư duy phê phán  \* Cách tiến hành | |
| - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát các tranh ở mục a SGK *Đạo đức 1,* trang 21 và nêu những việc không nên làm. Vì sao?  - GV mời một số HS đại diện các nhóm trình bày ý kiến.  - GV kết luận: Những việc không nên làm để sạch sẽ, gọn gàng.  + Đùa nghịch trong vũng nước bẩn. Vì quần áo sẽ bị bẩn, nước bẩn có thể bắn vào mắt, da gây ngứa, bệnh ngoài da.  + Vừa đi học về, lấy tay bốc thức ăn. Vì bốc thức ăn khi chưa rửa tay sẽ dễ bị giun, sán, dễ nhiễm các bệnh về đường tiêu hoá.  + Bôi tay bẩn vào áo, tóc để rối, bù xù. Vì tay bẩn mà bôi lên áo sẽ làm cho áo bẩn, mất vệ sinh, tóc để rối thì không gọn gàng, sạch, đẹp. | - HS quan sát. HS làm việc theo nhóm. Thảo luận và trả lời câu hỏi  - Đại diện các nhóm trình bày ý kiến.  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 5: Xử lý tình huống**  Mục tiêu:  - HS có kĩ năng ứng xử phù hợp trong một số tình huống cụ thể để bản thân sạch sẽ, gọn gàng.  - HS được phát triển năng lực giải quyết vấn đề  \* Cách tiến hành | |
| - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát các tranh tình huống ở mục b SGK *Đạo đức 1,* trang 22 và lựa chọn cách xử lí tình huống trong môi tranh.  + Tình huống 1: Trên đường đi học về, Hùng ăn kem làm dính bẩn ra tay và áo. Nếu đi cùng Hùng, em sẽ khuyên bạn như thế nào?  + Tình huống 2: An đã bước ra cửa để đi học, tóc vẫn rối, bù xù. Chị của An nhắc: Tóc An rối kìa. Neu em là An, em sẽ làm gì?  - GV định hướng cách giải quyết:  + Tình huống 1: Em nên khuyên bạn, không nên vừa đí vừa ăn ngoài đường, vì mất vệ sinh, bị bẩn tay và quần áo.  + Tình huống 2: An nên cảm ơn chị vì đã nhắc và vào chải tóc cho gọn gàng rồi mới đi học.  - Mời một số nhóm trình bày | - HS thực hiện nhiệm vụ., làm việc theo nhóm  - HS trình bày |
| **Hoạt động 6: Thực hành**  **Mục tiêu:** HS rèn luyện được một số kì năng tự chăm sóc bản thân để sạch sẽ, gọn gàng.  **Cách tiến hành:** | |
| - GV làm mẫu hoặc cho HS xem các kĩ năng chải tóc, thắt dây giày, cắt móng tay.  - GV mời một số HS mô tả lại cách thực hiện các kĩ năng chải tóc, thắt dây giày, cắt móng tay.  - GV yêu cầu HS thực hiện các kĩ năng chải tóc, thắt dây giày, cắt móng tay theo nhóm đôi.  - HS thực hiện nhiệm vụ: một bạn làm, một bạn nhận xét và ngược lại.  - GV nhận xét, đánh giá khi HS thực hiện xong nhiệm vụ. | - Một số nhóm lên trình bày cách xử lí tình huống.  - HS quan sát  - HS thực hiện  - HS mô tả cách thực hiện |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp (2 phút)**  **-** Xem trước bài còn lại để tiết sau học tiếp  -Nhận xét tiết học | - HS tham gia nhận xét bạn  - Lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tự nhiên và xã hội**

**Tên bài học: Bài 4. Lớp học của em (Tiết 3) – Tiết 13**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**a. Năng lực đặc thù**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học.

- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ.

- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học , các thành viên và hoạt động trong lớp học .

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học , hoạt động ở lớp học

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách đồ dùng học tập trong lớp.

**b. Năng lực chung:**

- NL Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- NL Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề

**c. Phẩm chất:**

- Nhân ái: biết yêu thương mọi người trong trường: thầy cô, bạn bè...

- Chăm chỉ: tích cực tham gia các hoạt động trong tiết học

- Trung thực: ghi nhận kết quả việc làm của mình một các trung thực

- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn lớp học gọn gàng, ngăn nắp; thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và nhắc nhở các bạn cùng thực hiện theo .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Giáo viên:** Các hình trong SGK . VBT Tự nhiên và Xã hội 1, phiếu tự đánh giá cá nhân .

**b. Học sinh:** SGK và VBT Tự nhiên và Xã hội 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**TIẾT 3**

**Giữ gìn lớp học sạch, đẹp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (2 phút)**  - Ổn định | - HS hát |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (13 phút)**  **Hoạt động 5. Thảo luận về lớp học sạch, đẹp**  \* Mục tiêu  Nhận biết được thế nào là lớp học sạch, đẹp. Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về lớp học sạch, đẹp.  \* Cách tiến hành | |
| *Bước 1: Làm việc theo cặp*  - GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 32 trong SGK, trả lời các câu hỏi:  + Nêu những điểm khác nhau của lớp học trong hai hình  + Em thích lớp học của em như thế nào?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu lần lượt mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp  - GV có thể gợi ý để HS nói  - GV cùng HS nhận xét | - HS làm việc theo cặp và lần lượt nêu  - Đại diện mỗi nhóm lên trình bày  + Lớp học ở hình lộn xộn , bừa bộn , chưa sạch sẽ .  + Lớp học ở hình 2 gọn gàng , ngăn nắp , sạch sẽ .  + Em thích lớp học của em như lớp học ở hình 2 .  - HS nhận xét nhóm bạn |
| **3. Luyện tập, thực hành ( 15 phút)**  **Hoạt động 6 : Xác định những việc có thể làm để lớp học sạch , đẹ**p  \* Mục tiêu  - Nêu được một số việc làm phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp .  - Có ý thức giữ lớp học sạch , đẹp mỗi ngày  \* Cách tiến hành | |
| *Bước 1: Làm việc theo nhóm 4*  - Yêu cầu HS liệt kê những việc có thể làm để giữ lớp học sạch, đẹp.  - Liên hệ xem trong nhóm các bạn đã thực hiện những việc đó như thế nào?  *Bước 2: Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.  - GV nhận xét  *Bước 3: Làm việc cá nhân*  - Yêu cầu làm câu 4 của Bài 4 (VBT  - GV hướng HS đến thông điệp cả bài: “ Lớp học như là nhà. Cô giáo như mơ hiền. Bạn bè như là anh em ”  **4. Hoạt động củng cố và nôi tiếp (5 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách đồ dùng học tập trong lớp | * - HS thảo luận theo nhóm: liệt kê những việc có thể làm để giữ lớp học sạch, đẹp   - HS đại diện nhóm báo cáo kết quả  - Các nhóm còn lại sẽ bổ sung và nhận xét phần trình bày của các bạn. Sắp xếp đồ dùng gọn gàng, ngăn nắp, lau chùi bàn, ghế, bảng đen; quét lớp; trang trí lớp , ...  - HS làm vào vở BT |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1**

**Tên bài học: Sinh hoạt dưới cờ: Rèn nề nếp sinh hoạt – Tiết 19**

**Thời gian thực hiện: ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

– Biết được nội dung phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt.

- Vui vẻ tham gia phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt

**\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:**

**a. Năng lực:**

- Nhận biết và thực hiện được một số hành vi để xây dựng nền nếp trong học tập và sinh hoạt.

**b. Phẩm chất:**

- Ham học hỏi và trải nghiệm giúp trang bị những kĩ năng sống cần thiết trong cuộc sống.

- Có ý thức rèn luyện thói quen giữ nền nếp trong học tập và sinh hoạt.

- Trung thực trong đánh giá bản thân, nhóm, lớp, mọi người

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Đối với giáo viên: Nhắc HS mặc đúng đồng phục; đúng vị trí của lớp; giữ trật tự

b. Đối với học sinh: Mặc lịch sự, sạch sẽ; đầu tóc gọn gàng

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Phần 1. Nghi lễ (5 phút)**

- Lễ chào cờ

- Lớp trực tuần tổng kết HĐ của toàn trường trong tuần vừa qua.

- TPT Đội nhận xét HĐ Đội của nhà trường.

- BGH lên nhận xét HĐ của tuần trường trong tuần qua và nêu nhiệm vụ phương hướng tuần tới.

**Phần 2: Sinh hoạt theo chủ đề “ Rèn nền nếp sinh hoạt ” (30 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu**  - Toàn trường hát tập thể bài hát: Tập thể dục buổi sáng.  - Người điều khiển nêu ý nghĩa của buổi sinh họat và mục đích của HĐ  **2. Triển khai sinh hoạt theo chủ đề “ Rèn nền nếp sinh hoạt ”.**  - Nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội/Liên đội trưởng phát động phong trào “Rèn nền nếp” trong học tập và sinh hoạt đối với HS trong toàn trường. Nội dung cơ bản tập trung vào:  - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học trên lớp.  - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học ở nhà.  - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động giáo dục khác.  - Hướng dẫn các lớp 1 triển khai rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt đối với HS lớp 1.  **3. Củng cố và nối tiếp.**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Thực hiện tốt những điều đã học | - HS hát to rõ và đồng thanh.  - HS chú ý lắng nghe và vỗ tay.  - HS lắng nghe.  - HS chú ý thực hiện.  - HS chú ý lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – LỚp 1**

**Tên bài học: Chữ hoa – Tiết 75 + 76**

**Thời gian thực hiện: ngày 22 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết chữ in hoa trong câu; bước đầu làm quen với chữ viết hoa.

- Nhận ra và đọc được các chữ in hoa trong câu ứng dụng; ghi nhớ quy tắc viết hoa chữ đầu bài, đầu câu, tên riêng.

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chia quà.* Tìm được trong bài chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, chữ hoa ghi tên riêng.

**III. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Bảng nhỏ viết 2 điều cần ghi nhớ về quy tắc viết hoa. Bảng chữ thường - chữ hoa phóng to (nếu có).

b. Học sinh: *Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  - GV tổ chức trò chơi: Đố bạn  - Giới thiệu bài: Kết thúc bài 34, các em đã học xong các âm và chữ tiếng Việt. Bài *Chữ hoa* sẽ giúp các em làm quen với chữ hoa (chữ in hoa và chữ viết hoa), nắm được quy tắc viết hoa.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **\* Hoạt động: Chia sẻ và khám phá (BT 1: Tìm chữ hoa trong câu)**  - GV viết lên bảng câu “Dì Tư là y tá.”, cả lớp đọc. GV giải thích: Đây là 1 câu văn, cuối câu có dấu chấm.  - GV nêu YC: Phát hiện những chữ được viết hoa trong câu.  - GV: Vì sao chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa?  - GV: Vì sao chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa?.  - GV mời 3 - 4 HS nói tên mình, đầy đủ họ, tên; nhắc HS: Khi viết tên riêng của mình, của mọi người, các em cần viết hoa. Viết hoa tên riêng, viết hoa cả họ và tên đệm. Không viết hoa tên riêng là viết sai chính tả.  **\* Ghi nhớ (BT** 2):  - GV gắn lên bảng quy tắc viết hoa; đọc quy tắc cho HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  - Dặn HS ghi nhớ 2 quy tắc vừa học để viết hoa đúng chính tả.  **3. Hoạt động luyện tập thực hành(18 phút)**  **3.1. Tập đọc (BT3)**  a) GV đưa lên bảng lớp hình minh hoạ bài *Chia quà;* giới thiệu: Trong hình là gia đình Hà: có bà, có ba má, có Hà và bé Lê. Má đang chia quà cho cả nhà. Bài Tập đọc sẽ cho các em biết má của Hà chia quà thế nào? Quà dành cho má là thứ quà đặc biệt quý. Đó là quà gì? Bài đọc cũng giúp các em luyện tập, củng cố những điều vừa học về quy tắc viết hoa.  b) GV đọc mẫu.  c)Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **chia quà, thị xã, cả nhà, mía, sữa, quà quý.**  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ từng câu: GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 2 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV: Đi thị xã về, má chia quà cho cả nhà. Má không chia quà cho má vì má đã có quà quý. Quà quý đó là gì?  - GV: Hai đứa con là quà quý của má. Con cái luôn là món quà quý giá nhất của cha mẹ. | - HS hát  - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe  - HS đọc: Dì Tư là y tá  - Chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa, chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa.  - Vì **Dì** đứng đầu câu. HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại  - Vì **Tư** là tên riêng của dì.  - HS nói tên mình  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  - HS đọc quy tắc  - HS quan sát và lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc  - HS đếm: 8 câu  - HS luyện đọc  - HS thi đọc bài  - Quà quý đó là bé Lê và Hà.  - HS lắng nghe |
| **Tiết 2** | |
| **3.2. Tìm trong bài đọc những chữ hoa** (BT 4)  - Cho cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả viết hoa.  - GV nêu YC; từng cặp HS đọc bài trong SGK, tìm chữ hoa bắt đầu từ tên bài.  - 4 cặp (8 HS) tiếp nối nhau báo cáo kết quả (mỗi em nói 1 câu):  **-** Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu  - Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa ghi tên riêng trong bài  **3.3. Giới thiệu bảng chữ in thường - in hoa, viết thường - viết hoa**  - GV chỉ Bảng chữ thường, chữ hoa (trên bảng lớp); giới thiệu các kiểu chữ (in thường - in hoa, viết thường - viết hoa); giải thích: chữ viết là chữ viết bằng tay.  - GV chỉ từng chữ in thường, in hoa. Cả lớp đọc.  - GV chỉ từng chữ viết thường, viết hoa. Cả lớp đọc.  - GV mời 1 HS lên bảng; đọc cho HS chỉ: chữ nào là chữ in thường, chữ nào là chữ in hoa.  - GV mời 1 HS khác, đọc cho HS chỉ: chữ nào là chữ viết thường, chữ nào viết hoa.  - GV chỉ câu *Dì Tư là y tá,* hỏi đó là kiểu chữ gì?  - GV chỉ từng chữ trên *Bảng chữ thường, chữ hoa,* cả lớp phát hiện đó là chữ in hay chữ thường, chữ viết hoa hay chữ viết thường.  - GV: Chữ hoa nào gần giống chữ thường nhưng kích thước lớn hơn  - GV: Chữ hoa nào không giống chữ thường và kích thước lớn hơn?  - GV kết luận  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp (5 phút)**  - 1 HS nhắc lại quy tắc viết hoa.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS về nhà đọc lại bài Tập đọc cho nguôi thân nghe; quan sát kĩ bảng mẫu chừ hoa trong trường tiểu học (in trong vở Luyện viết 1, tập một). | - HS nhắc lại quy tắc  - Các cặp HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  - HS nói  - HS thực hiện  - HS thực hiện  + HS 1: Tên bài viết hoa chữ **c** trong tiếng **Chia** vì đó là chữ đầu của tên bài. /Câu 1 viết hoa chữ **M** trong tiếng **Má** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 2: Câu 2 viết hoa chữ **M** trong tiếng **Má** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 3: Câu 3 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Bà** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 4: Câu 4 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Ba** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 5: Câu 5 viết hoa chữ **H** trong tiếng **Hà** vì **Hà** đứng đầu câu, cũng là tên riêng.  + HS 6: Câu 6 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Bé** vì nó đứng đầu câu; viết hoa chữ **L** trong tiếng **Lê** vì là tên riêng.  + HS 7: Câu 7 viết hoa chữ **Ơ** vì **Ơ** là chữ đầu câu.  + HS 8: Câu 8 viết hoa **À** vì **À** là chữ đầu câu; viết hoa chữ **L** trong tiếng **Lê,** chữ **H** trong tiếng **Hà** vì đó là các tên riêng.  - HS lắng nghe  - HS chỉ và đọc  - HS thực hiện  **- D** trong **Dì, T** trong **Tư** là chữ in hoa, các chữ khác là chữ in thường.  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS nhắc lại  - HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: Tập viết Sau bài 34, 35 – Tiết 77**

**Thời gian thực hiện: ngày 22 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Các chữ mẫu *v, y* đặt trong khung chữ.

b. Học sinh: *Vở Luyện viết 1,* tập một; Bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định : Hát  - Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (25 phút)**  **\* Hoạt động : Luyện tập**  a. Yêu cầu HS đọc trên bảng các chữ, tiếng cần luyện viết.  b. Tập tô, tập viết: *v, ve, y, y tá.*  - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Chữ v: cao 2 li; viết 1 nét móc hai đầu, phần cuối nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn nhỏ. Cách viết: đặt bút ở khoảng giữa ĐK 2 và ĐK 3, viết nét móc hai đầu, cuối nét kéo dài tới gần ĐK 3 thì lượn trái, tới ĐK 3 thì nối với một nét thắt, tạo thành vòng xoắn ở cuối nét, dừng bút gần ĐK 3.  + Tiếng *v:* viết chữ v trước, chữ *e* sau.  + Chữ y: cao 5 li; viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược phải, 1 nét khuyết ngược. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2 (trên), viết nét hất, đến ĐK 3 (trên) thì dừng. Từ điểm dừng của nét 1, chuyển hướng bút viết nét móc ngược phải. Từ điểm dừng của nét 2, rê bút thẳng lên ĐK 3 (trên) rồi chuyển hướng ngược lại, viết nét khuyết ngược (kéo dài xuống đường kẻ 4 phía dưới), dừng bút ở ĐK 2 (trên).  + Từ y *tá,* viết tiếng *y* trước, tiếng *tá* sau, dấu sắc đặt trên *a.*  - Yêu cầu HS tập tô, viết: *v, ve, y, y tá* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  c. Tập tô, tập viết: *ch, qu, chia quà* (như mục b):  - GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn:  + Chữ *ch,* ghép từ hai chữ *c* và *h.*  + Chữ *qu.* ghép từ hai chữ *q* và *u.*  + Tiếng *chia,* viết *ch* trước, *ia* sau. / Tiếng *quà,* viết *qu* trước, *a* sau, dấu huyền đặt trên *a.*  - Yêu cầu HS tập tô, viết: *ch, qu, chia quà*  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp (5 phút)**  **-** Nhắc lại nội dung vừa học  - GV nhận xét tiết học  - Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết | - HS hát  - HS lắng nghe  **-** Đọc**: v, y,** các tiếng **ve, y tá, chia quà.**  - HS theo dõi, quan sát  - HS theo dõi  - HS tô, viết vào vở  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 16 Phép cộng trong phạm vi 6 (TT) (Tiết 1) – Tiết 20**

**Thời gian thực hiện: ngày 22 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Giáo viên:** Máy chiếu; các que tính, các chấm tròn; một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**b. Học sinh:** *Vở bài tập Toán 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (8 phút)**  **Hoạt động 1.**  - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  + Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).  + Sắp xếp các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻthành một bảng cộng trước mặt.  - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  - GV tổng kết: Có thể nói:  + Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.  + Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.  + Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.  + Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.  + Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.  **3. Hoạt động luyện tập thực hành (15 phút)**  **Bài 1**  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.  - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 + 1; 1 + 4; 5 + 1; 1 + 5; ...  - Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi đế HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chồ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đôi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: 2 + 3 = 5; 3 + 2 = 5; ...  **4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**  - HS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp (4 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HS thực hiện  - HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng cộng trong phạm vi 6.*  - HS đưa ra *phép cộng* và đố nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).    - HS thực hiện  - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.  - HS thực hiện  - HS trả lời  - HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: am, ap – Tiết 78 + 79**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **am, ap;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **am, ap** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.

- Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **am,** vần **ap.**

- Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Bờ Hồ*

- Viết đúng trên bảng con các vần: **am, ap,** các tiếng (quả) **cam,** (xe) **đạp.**

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:Máy chiếu / giấy khổ to viết bài đọc.

b. Học sinh:*VBT Tiếng Việt 1,* tập một; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài: Các em đã học hết các chữ ghi âm tiếng Việt. Từ bài hôm nay, các em sẽ học các vần tiếng Việt. Hai vần đầu tiên các em sẽ học là vần **am,** vần **ap.**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **\* Hoạt động Chia sẻ và khám phá (BT 1, 2)**  1.1. Dạy vần **am**  a. Chia sẻ: GV chỉ từng chữ **a, m** (đã học). 1 HS đọc: **a - mờ - am.** Cả lớp: **am.**  b. Khám phá: GV giới thiệu hình ảnh quả cam, hỏi: Đây là quả gì?  + Trong từ *quả cam,* tiếng nào có vần **am?**  + GV giới thiệu mô hình vần **am.**  + GV giới thiệu mô hình tiếng **cam.**  1.2. Dạy vần **ap** (tương tự cách dạy vần **am)**  - GV giới thiệu hình ảnh xe đạp, hỏi: Đây là cái gì? (Cái xe đạp).  - Trong từ *xe đạp,* tiếng nào có vần **ap?** (Tiếng **đạp).**  - So sánh: vần **am** giống vần **ap:** đều bắt đầu bằng âm **a. vần am** khác vần **ap:** vần **am** có âm cuối là **m,** vần **ap** có âm cuối là **p.**  \* Củng cố: - Các em vừa học 2 vần mới là vần gì?  - Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì? (Tiếng **cam,** tiếng **đạp).** GV chỉ mô hình từng vần, tiếng...  **3. Hoạt động luyện tập thực hành (18 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ (BT3: Tiếng nào có vần am? Tiếng nào có vần ap?)**  a) Xác định YC: GV đưa lên bảng 6 hình minh hoạ; nêu YC của BT.  b) Đọc tên sự vật:  - GV chỉ từng từ theo số thứ tự  - Giải nghĩa từ: Tháp Rùa (tháp nằm giữa Hồ Gươm); quả trám (loại quả dùng làm thức ăn, rất bùi và ngon); sáp nẻ (sáp dùng để bôi lên da mặt, lên môi nhằm chống nứt nẻ).  c) Tìm tiếng có vần am, vần ap: Từng cặp HS làm bài trong VBT, tìm nhanh tiếng có vần am, vần ap.  GV nhắc: 2 HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  d) Báo cáo kết quả  - Một cặp HS nói kết quả: HS 1 chỉ bảng, nói tiếng có vần am. HS 2 nói tiếng có vần ap.  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng khám có vần am. Tiếng tháp (Rùa) có vần ap...  **3.2.Tập viết (bảng con - BT 5).**  a) HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần am: viết a trước, m sau; chú ý nối nét giữa a và m.  - Vần ap: viết a trước, p sau; chú ý nối nét giữa a và p.  - quả cam: viết tiếng quả trước, tiếng cam sau. Trong tiếng cam: viết c trước, am sau. (Có thể chỉ yêu cầu HS viết tiếng cam).  - xe đạp: viết xe trước (x nối sang e), đạp sau (viết đ gần vần ap, dấu nặng đặt dưới a).  c) HS viết trên bảng con: am, ap (2 lần). / Viết: (quả) cam, (xe) đạp.  - GV cùng HS nhận xét | - HS hát  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc: **a - mờ - am.** Cả lớp: **am.**  **-** Quả **cam**  **-** Phân tích: tiếng **cam** có âm **c** đứng trước, vần **am** đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn. HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **a - mờ - am / am.**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp): cờ - am - cam / cam.  - Tiếng **đạp**  - Phân tích: vần **ap** gồm có 2 âm: âm **a** đứng trước, âm **p** đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn: **a - pờ - ap / ap;** đờ - ap - đap - nặng - đạp / đạp.  - Hs so sánh: vần **am** giống vần **ap:** đều bắt đầu bằng âm **a. vần am** khác vần **ap:** vần **am** có âm cuối là **m,** vần **ap** có âm cuối là **p.**  - Vần **am,** vần **ap**  **-** Tiếng **cam,** tiếng **đạp.** Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - HS thực hiện.  - Cả lớp đọc tên từng sự vật, hành động: *khảm, Tháp Rùa, quả trám,...*  *-* HS thực hiện,  - 2 HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  - HS lắng nghe  *-* HS thực hiện  - HS đọc bài  - HS theo dõi, quan sát.  - HS viết bảng con  - HS lắng nghe |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc (BT 4) (30 phút)**  a) GV gắn lên bảng hình minh hoạ bài Bờ Hồ  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): Bờ Hồ, phố cổ, nhè nhẹ, Tháp Rùa, giữa hồ. (Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn).  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ: GV chỉ từng câu cho HS đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS;nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (2 câu / 2 câu) (theo cặp / tổ).  g) Thi đọc theo vai  - (Làm mẫu) GV (vai người dẫn chuyện) cùng 2 HS (vai ve, gà) đọc mầu.  - Từng tốp (3 HS) cùng luyện đọc theo vai trước khi thi.  - Vài tốp thi đọc. GV khen HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.  h) Tìm hiểu bài đọc (Nói tiếp để hoàn thành câu)  - GV nêu YC:  a) Cả nhà đi bộ…..  b) Bố chỉ cho cả nhà……  - GV nhận xét  \* Cả lớp đọc lại 2 trang nội dung bài 36.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - HDHS củng cố bài  - GV nhận xét tiết học  - Dặn HS về nhà đọc lại cho người thân nghe bài Bờ Hồ | - HS quan sát  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc  - HS đếm: 4 câu  - 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - HS thực hiện đọc nối tiếp.  - HS thi đọc. Cả lớp tham gia bình chọn bạn đọc đúng, đọc hay  - HS đọc theo vai  - HS đọc lại bài và nói tiếp để thành câu hoàn chỉnh  a) Cả nhà đi bộ ra Bờ Hồ.  b) Bố chỉ cho cả nhà Tháp Rùa ở giữa hồ.  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS củng cố bài  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1**

**Tên bài học: HĐGDTCĐ Tự chăm sóc bản thân – Tiết 20**

**Thời gian thực hiện: ngày 23 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT** Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Hình thành một số thói quen tự phục vụ, chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi như: tự vệ sinh cá nhân, tự phục vụ bản thân, chăm sóc cơ thể.

**\* Góp phần hình thành và phát triển cho HS:**

**a. Năng lực:**

- Thực hành một số kĩ năng cơ bản như sắp xếp không gian riêng, chăm sóc sức khỏe.

- Thực hiện được một số việc tự chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi.

- Tập ăn uống đủ chất theo chế độ dinh dưỡng.

- Thể hiện sự thân thiện khi cùng tham gia các hoạt động với bạn.

**b. Phẩm chất:**

- Có trách nhiệm với công việc đã nhận

- Yêu quý bản thân, tôn trọng, giúp đỡ bạn bè.

- Nỗ lực học hỏi và thực hành các kĩ năng để giúp bản thân phát triển.

- Trung thực và trách nhiệm trong tự đánh giá.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Giáo viên:** SGK – VBT Hoạt động trải nghiệm; tranh, ảnh về những hành động, việc làm thể hiện sự lịch sự; đồ dùng, trang phục để HS đóng vai.

**b. Học sinh:** SGK – VBT Hoạt động trải nghiệm

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu những việc cần làm để chăm sóc bản thân. | - HS hát  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới. (14 phút)**  \* Mục tiêu: Hình thành một số thói quen tự phục vụ, chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi như: tự vệ sinh cá nhân, tự phục vụ bản thân, chăm sóc cơ thể.  **Hoạt động 1. Liên hệ và chia sẻ.**  \* Mục tiêu: HS tự liên hệ bản thân, nhận xét và đánh giá về những việc đã làm được và chưa làm được để chăm sóc bản thân  \* Cách tiến hành | |
| - Chia lớp thành cặp đôi  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:  + Hằng ngày, bạn đã làm gì để chăm sóc bản thân?  + Bạn làm những việc đó vào lúc nào?  + Bạn cảm thấy như thế nào khi tự mình làm những công việc đó?  - Y/C HS cử đại diện trình bày trước lớp.  - GV và HS cùng nhận xét.  \*GV kết luận: Hằng ngày, em cần tự mình làm những việc phù hợp để chăm sóc bản thân: vệ sinh cá nhân, ăn uống, rèn luyện sức khoẻ.. | - Chia theo bàn  - HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  + HS đưa ra các việc làm thể hiện sự chăm sóc bản thân: đánh răng, rửa mặt, ăn uống, ngủ nghỉ,….  + HS đưa ra khung thời gian thực hiện việc chăm sóc bản thân của mình.  + HS nêu cảm xúc của mình.  - 2 đến 3 cặp HS trình bày trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.  - Theo dõi, lắng nghe. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (16 phút)**  **Hoạt động 2: Thực hành chăm sóc bản thân**  \* Mục tiêu: HS thực hành tại chỗ một số kĩ năng chăm sóc, vệ sinh cơ thể gọn gàng.  \* Cách tiến hành | |
| Bước 1. Hoạt động chung cả lớp:  - GV nêu yêu cầu:  + Quan sát lại trang phục của em.  + Chỉnh sửa lại đầu tóc, trang phục (quần áo, giày dép) gọn gàng.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  Bước 2. Hoạt động cặp đôi:  - Từng cá nhân HS thực hành chỉnh sửa quần áo, giày dép, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ.  - Y/C HS trong nhóm quan sát, sửa trang phục đầu tóc cho nhau.  Bước 3. Chia sẻ trước lớp:  - GV mời số bạn chia sẻ trước lớp về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - GV và HS cùng hỏi đáp về những lưu ý khi chuẩn bị trang phục và vệ sinh cá nhân.  \* Kết luận: Các em cần lựa chọn, chuẩn bị trang phục gọn gàng, sạch sẽ và phù hợp với thời tiết. Tự chăm sóc bản thân giúp em tự tin và chủ động hơn. | - HS thực hiện các Y/C của GV:  + Tự quan sát quần áo.  + Tự chỉnh trang quần áo, giày dép cho ngay ngắn  - HS thực hành  - HS trong nhóm quan sát, sửa và góp ý cho nhau.  - Lần lượt HS lên chia sẻ trước lớp về hoạt động tự thực hành của bản thân.  - HS theo dõi  - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những việc cần làm để chăm sóc bản thân. | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: ăm, ăp – Tiết 80 + 81**

**Thời gian thực hiện: ngày 25 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **ăm, ăp;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăm, ăp.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăm,** vần **ăp.**

- Đọc đúng, hiểu bài *Chăm bà*

- Viết đúng các vần **ăm, ăp** và các tiếng **chăm** (chỉ), **cặp** (da) (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: 3 thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu trước lớp.

b. Học sinh:*VBT Tiếng Việt 1,* tập một; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **1 Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài: vần ăm; vần ăp  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (15 phút)**  **\* Hoạt động Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)**  **1.1. Dạy vần** **ăm**  - GV chỉ vần **ăm** (từng chữ **ă, m).**  - Cho HS nhìn tranh, hỏi:  +Em bé đang làm gì?  + Em thấy em bé đó như thế nào?  - Trong từ *chăm chỉ,* tiếng nào có vần **ăm?**  **-** Phân tích vần **ăm**  - Gọi HS đọc  - GV giới thiệu mô hình tiếng **chăm.** HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: **chờ - ăm - chăm.**  - GV chỉ lại mô hình vần **ăm,** mô hình tiếng **chăm,** từ **khoá**  **1.2.** **Dạy vần ăp (như vần ăm)**  - HS nhận biết **ă, p;** đọc: **ă - pờ - ăp.**  **-** Gọi HS phân tích  - Quan sát tranh, nêu từ ngữ: *cặp da / cặp.*  - Gọi HS đọc  \* Củng cố: Vừa rồi đã học 2 vần mới , 2 tiếng mới nào?  - GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn  **3. Hoạt động luyện tập thực hành ( 15 phút)**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm tiếng có vần **ăm,** tiếng có vần **ăp)**  - Xác định YC: GV chỉ từng chữ dưới hình*.*Giải nghĩa: *tằm* (loài sâu ăn lá dâu, lá sắn, nuôi để lấy tơ dệt vải).  - Từng cặp HS tìm tiếng có vần **ăm,** vần **ăp** trong VBT. / 2 HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng từ in đậm, cả lớp: Tiếng **thắp** có vần **ăp...** Tiếng **tằm** có vần **ăm...**  - Cho HS tìm thêm tiếng ngoài bài có vần ăm, vần ăp  **3.2.Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học.  b) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  - Vần **ăm: ă** và **m** đều cao 2 li.  - Vần **ăp: ă** cao 2 li, **p** cao 4 li.  **- chăm:** viết **ch** rồi đến vần **ăm.**  **- cặp:** viết **c** rồi đến vần **ăp,** dấu nặng đặt dưới **ă.**  c) HS viết: **ăm, ăp** (2 lần). Sau đó viết: **chăm** (chỉ), **cặp** (da).  - GV cùng HS nhận xét | - HS hát  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc: **ă - mờ - ăm.** Cả lớp: **ăm.**  - Em bé đang quét nhà  - Em rất chăm chỉ  - Tiếng **chăm**  - Vần **ăm** gồm có âm **ă** đúng trước, âm **m** đứng sau.  - HS (cá nhân, cả lớp) đánh vần: **ă - mờ - ăm / ăm.**  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) đánh vần: **chờ - ăm - chăm.**  **-** Cả lớp đánh vần, đọc trơn: **ă - mờ - ăm / chờ - ăm - chăm** / **chăm chỉ.**  - đọc: **ă - pờ - ăp.**  - Phân tích vần **ăp. /** Đánh vần: **ă - pờ - ăp / ăp.**  - Phân tích tiếng **cặp:** âm c đứng trước vần ăp đứng saudấu nặng đặt dưới âm **ă.**  - Đánh vần: cờ - ăp - căp - nặng - cặp.  - Đánh vần, đọc trơn lại: ă - pờ - ăp / cờ - ăp - căp - nặng - cặp / cặp da.  **- ăm, ăp;**  - HS đọc (CN, ĐT)  - 2 tiếng mới: **chăm, cặp.**  **-** HS thực hiện  - 1 HS đọc, cả lớp đọc: *thắp, bắp ngô, tằm,..*  - HS báo cáo  - HS nêu  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **ăm** (băm, mắm, nắm, sắm, nằm,...); có vần **ăp** (cắp, đắp, lắp, nắp, sắp,...).  - HS đọc  - Hs chú ý,quan sát  - HS thực hiện viết bảng con |
| **Tiết 2** | |
| 3.3.Tập đọc (BT 3) (30 phút)  a) GV chỉ hình minh hoạ bài Chăm bà: Bà bị ốm, cả nhà cùng nhau chăm sóc bà như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài đọc.  b) GV đọc mẫu.  c) Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): bị cảm, lo lắm, khắp chợ, chữa cảm, pha sữa, chăm  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 5 câu. (GV đánh số TT từng câu).  - GV chỉ từng câu cho HS đọc  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu cuối.  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (3 câu / 2 câu); thi đọc cả bài (theo cặp, tổ).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC của BT, chỉ từng câu trên bảng cho cả lớp đọc.  - 1 HS nói kết quả: Ghép đúng: a) Mẹ - 2) đi chợ mua lá để chữa cảm.  b) Bố và Thắm- 3)pha sữa cho bà  c) Có cả nhà chăm- 1) bà đã đỡ.  Ý sai: a) Vừa chăm múa vừa chăm làm - 2) thì chả có gì. Cả lớp nhắc lại ý đúng.  - GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì?  \*GV: Câu chuyện là lời khuyên: Phải biết chăm sóc người thân lúc ốm đau  \* Yêu cầu cả lớp đọc lại 2 trang bài 37; đọc 6 chữ, vần vừa học trong tuần, chân trang 68.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** **(5 phút)**  - HDHS củng cố bài  - GV nhận xét tiết học;  - Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe điều em đã hiểu sau khi học bài Chăm bà | - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc  - HS đếm số câu  - HS đọc  - HS đọc nối tiếp câu  - HS thi đọc  - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài.  - HS ghép  - HS trả lời  - Hs lắng nghe  - HS đọc lại bài  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – LỚp 1**

**Tên bài học: Tập viết Sau bài 36, 37 – Tiết 82**

**Thời gian thực hiện: ngày 25 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Viết đúng **am, ap, ăm, ăp, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a.Giáo viên: Bảng phụ viết các vần, tiếng cần luyện viết.

b. Học sinh: Vở Luyện viết 1, tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định  - Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (30 phút)**  **\* Hoạt động: Luyện tập**  a) Gọi HS đánh vần, đọc trơn: am, quả cam, ap, xe đạp; ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da.  b) Tập viết: am, quả cam, ap, xe đạp.  - GV vừa viết mẫu từng vần, từ ngữ, vừa hướng dẫn quy trình viết. Choú ý độ caocác con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh trong các tiếng quả, đạp.  - HS viết các vần, từ ngữ trong vở Luyện viết 1, tập một.  c) Tập viết: ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da (như mục b  - HS viết các vần, từ ngữ; hoàn thành phần Luyện tập thêm.  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - Nhắc lại nội dung vừa học  - GV nhận xét tiết học  - Nhắc những HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết | - HS hát  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc các vần, từ ngữ; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - HS chú ý quan sát.  - HS viết bài  - HS thực hiện  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Toán – Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 16 Phép cộng trong phạm vi 6 (TT) (Tiết 2) – Tiết 21**

**Thời gian thực hiện: ngày 25 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập *Bảng cộng trong phạm vi* 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học:NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Giáo viên:** Máy chiếu; các que tính, các chấm tròn; một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**b. Học sinh:** *Vở bài tập Toán 1,* tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (4 phút)**  - Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.  **2. Hoạt động luyện tập, thực hành (tt) (23 phút).**  **Bài 2.** HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích họp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với bạn và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp.  **Bài 3.** phân tích mẫu rồi vận dụng đế tìm kết quả các phép tính cho trong bài.  **Bài 4. –** Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp  a) Bên trái có 3 con ong. Bên phải có 3 con ong. Có tất cả bao nhiêu con ong?  Ta có phép cộng 3 + 3 = 6. Vậy có tất cả 6 con ong.  b) Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. Có thêm 2 bạn đi đến. Có tất cá bao nhiêu bạn?  Ta có phép cộng 3 + 2 = 5. Vậy có tắt cả 5 bạn.  **3. Hoạt động vận dụng ( 5 phút)**  - HS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp (3 phút)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn | - HS thực hiện  - Chia sẻ trước lớp  - HS quan sát  - HS quan sát tranh và chia sẻ trước lớp  - HS thực hiện  - HS chú ý lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TN&XH – Lớp 1**

**Tên bài học: Bài 5 Trường học của em (Tiết 1) – Tiết 14**

**Thời gian thực hiện: ngày 25 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**\* Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên, địa chỉ của trường mình.

- Xác định được vị trí các khu vực, các phòng của trường học và kể được tên một số đồ dùng có ở trường học

- Kể được tên các hoạt động chính ở trường học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.

**\* Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về trường học, các thành viên và hoạt động ở trường học.

- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về trường học, hoạt động ở trường học.

**\* Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng, thiết bị của trường học.

- Lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn khi ở trường.

- Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, giáo viên và các thành viên khác trong nhà trường.

**b**. **Năng lực chung**: Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**c. Phẩm chất**: Hình thành tình cảm kính trọng thầy cô, yêu quý bạn bè; có ý thức sử dụng tiết kiệm, giữ gìn, bảo quản tài sản của trường, có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây trong trường, giữ vệ sinh môi trường; tham gia các công việc ở trường vừa sức với bản thân

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Giáo viên**

- Các hình trong SGK . - VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .

- Phiếu tự đánh giá cá nhân .

- Tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của trường học .

- Một số tình huống để HS thể hiện được tình cảm và cách ứng xử với thành viên trong nhà trường tốt nhất tình huống được thể hiện bằng kênh chữ và kênh hình ) .

- Giấy , bút màu , bản cam kết

**b. Học sinh:** SGK và VBT Tự nhiên và Xã hội 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**Tiết 1**

**Các khu vực và các phòng trong trường học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3 phút)**  - Ổn định:  - GV hỏi  + Hãy nói tên trường và địa chỉ trường của em?  + Em thích nhất điều gì ở trường ?  - Giới thiệu bài | - HS hát  - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (12 phút)**  **KHÁM PHÁ**  **Hoạt động 1. Tìm hiểu trường học của bạn Hà**  \* Mục tiêu  - Nói được tên các khu vực , các phòng và vị trí của chúng trong trường bạn Hà  - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về trường học  \* Cách tiến hành | |
| Bước 1 : Làm việc theo cặp  - HS quan sát các hình ở trang 34 , 35 trong SGK để trả lời các câu hỏi :  + Trường học của bạn Hà có những khu vực nào , phòng học nào ?  + Chúng ở đâu ?  Bước 2: Làm việc cả lớp  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả  - GV cùng HS nhận xét, bổ sung câu trả lời  \* GV kết luận hoàn thiện các câu trả lời. | - HS quan sát; tìm hiểu và làm việc theo cặp  - Đại diện trình bày kết quả: Trường học của bạn Hà có sân trường, vườn trường , khu vệ sinh và nhiều phòng : phòng học , phòng ban giám hiệu , phòng hội đồng , phòng truyền thống , phòng y tế ở tầng 1 , ...  - HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (18 phút)**  **Hoạt động 2: Giới thiệu về trường học của mình**  \* Mục tiêu  - Kể được tên một số đồ dùng có ở trường mình .  - Đặt được các câu hỏi đơn giản để tìm hiểu về trường học của mình  \* Cách tiến hành | |
| Bước 1: Làm việc cả lớp  - GV cho HS đi tham quan trường: các khu vực trước sân trường , vườn trường, khu vệ sinh, ... ), sau đó lần lượt đến các phòng. Đến mỗi nơi, HS tìm hiểu xem có đồ dùng gì?  Bước 2: Làm việc nhóm 6  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi :  + Trường em có những khu vực và phòng nào ?  + Kể tên một số đồ dùng có ở trường em.  - HS có thể làm cầu 1, 2 của Bài 5 (VBT )  Bước 3: Làm việc cả lớp  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung. GV bình luận, hoàn thiện phần trình bày các nhóm  - GV hỏi: Các em làm gì để giữ gìn đồ dùng có ở trường ?  - GV cùng HS bổ sung, hoàn thiện câu trả lời  - GV kết hợp với HS nhận xét | - HS xếp đôi đi tham quan  - HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi :  - HS làm vào vở Bài tập  - Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả thảo luận trước lớp .  - HS trả lời:Với bàn ghế – lau chùi , không viết , vẽ bẩn , không đứng lên ; với đồ điện như quạt thì phải bật , tắt đúng cách ; với vòi nước , khi không sử dụng thì khoá vòi ; ... |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Nói được tên các khu vực, các phòng và vị trí của chúng lại cho người thân nghe. | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: Kể chuyện Chú thỏ thông minh – Tiết 83**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thỏ con thông minh đã lừa được cá sấu, tự cứu mình thoát khỏi miệng cá sấu. Chú thỏ thông minh

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên: Máy chiếu hoặc 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.

b. Học sinh**:** Bộ dồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  - GV giới thiệu bài  **2. Hình thành kiến thức mới (25 phút)**  **\* Hoạt động 1: Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện**  **1.1. Quan sát và phỏng đoán:**  **-** GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ, giới thiệu: Đây là các tranh minh hoạ truyện *Chú thỏ thông minh.* Các em hãy xem tranh để biết câu chuyện có những nhân vật nào. Các từ *Hu! Hu!, Ha! Ha!* (là tiếng kêu của cá sấu) có nghĩa gì?  - GV: Câu chuyện có 2 nhân vật là thỏ và cá sấu. Cá sấu đớp thỏ. Khi cá sấu kêu *Hu! Hu!* thì miệng nó khép lại gần kín. Còn khi nó kêu *Ha! Ha!* thì miệng nó mở to ra, thỏ nhảy khỏi miệng cá sấu.  **1.2. Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện kể về một chú thỏ con bị cá sấu đớp. Thế mà thỏ vẫn thoát khỏi miệng cá sấu. Làm thế nào cho cá sấu mở miệng? Thỏ đã nghĩ ra cách gì để lừa cá sấu mở miệng?  **\* Hoạt động 2: Khám phá và luyện tập**  **2.1 Nghe kể chuyện: GV** kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm  **Chú thỏ thông minh**   1. Có một chú thỏ con đi đến bờ sông ăn cỏ. Lát sau, thỏ khát nước. Nó lần xuống sông uống nước thì thấy một con cá sấu to xù đang nằm ở đó. 2. Cá sấu nhìn thấy thỏ thì nằm im, giả vờ ngủ. Thỏ tưởng cá sấu đang ngủ nên rón rén đi xuống mép nước. Bất ngờ, cá sấu vọt tới, đớp thỏ. 3. Trước khi nuốt mồi, cá sấu tru mõm kêu lên “Hu! Hu!” để doạ thỏ cho vui. 4. Thỏ nằm trong mồm cá sấu sợ chết khiếp nhưng vẫn cố bình tĩnh nghĩ mẹo thoátthân. Nó bảo cá sấu: “Anh kêu *Hu! Hu!* thì chẳng có gì đáng sợ. Anh phải kêu *Ha! Ha!* thì may ra mới doạ được tôi”. 5. Nghe thỏ nói thế, con cá sấu ngu ngốc lập tức há to miệng, kêu lớn: —Ha! Ha!”. 6. Thỏ chỉ chờ vậy, lập tức nhảy phốc khỏi mồm cá sấu, chạy biến vào rừng.   Theo VŨ TÚ NAM *(Chuyện kể cho bẻ)*  **2.2 Trả lời câu hỏi theo tranh**  a. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  - GV chỉ tranh 1, hỏi:  *- Thỏ con đến bờ sông làm gì?*  *- Nó thấy cả sấu khi nào?*  - GV chỉ tranh 2, hỏi:  *- Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu mà vẫn đi xuống mép nước?*  *- Cá sấu bất ngờ làm gì?*  - GV chỉ tranh 3, hỏi  *-Trước khi nuốt mồi, cả sấu làm gì để doạ thỏ?*  - GV chỉ tranh 4, hỏi  *- Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để thoát thân?*  - GV chỉ tranh 5:  *- Nghe lời thỏ, cá sấu đã làm gì?*  - GV chỉ tranh 6:  *- Khi cá sấu kêu, thỏ con làm gì?*  b. Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  c. 1 HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 tranh.  **2.3. Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi)  a. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  b. HS kể chuyện theo tranh bất kì  **2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  - GV: Vì sao thỏ thoát nạn?  - GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?  - GV kết luận: Câu chuyện cho các em thấy thỏ con nhỏ bé mà thông minh, lừa được con cá sấu to xác mà ngu ngốc nên đã thoát khỏi miệng cá sấu. Câu chuyện khuyên các em: Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình.  - Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp (5 phút)**  **-** HDHS củng cố bài  - GV khen ngợi những HS kể chuyện hay, hiểu câu chuyện.  - Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe chuyện về chú thỏ thông minh.  - Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết  kể chuyện Ba chú lợn con tuần tới. | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - Thỏ con đến bờ sông ăn cỏ.  - Nó nhìn thấy cá sấu khi xuống sông uống nước.  - Thỏ tưởng cá sấu đang ngủ nên rón rén đi xuống mép nước.  - Cá sấu bất ngờ vọt tới, đớp thỏ.  - Trước khi nuốt mồi, cá sấu tru mõm kêu *Hu! Hu!* để doạ thỏ cho vui.  - Thỏ bảo cá sấu: —Anh kêu *Hu! Hu!* thì chẳng có gì đáng sợ, anh phải kêu *Ha! Ha!* thì may ra mới doạ được tôi”.  - Con cá sấu ngu ngốc lập tức há to miệng, kêu lớn: *Ha! Ha!.*  - Chỉ đợi cá sấu kêu *Ha! Ha!,* thỏ lập tức nhảy phốc khỏi mồm cá sấu, chạy biến vào rừng.  - HS trả lời  - HS tự kể chuyện theo tranh  - 1 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  - HS kể chuyện  - HS kể chuyện  - Vì thỏ thông minh, nghĩ ra cách lừa được cá sấu há rộng miệng. / Vì cá sấu ngu ngốc đã mắc mưu thỏ. /...  - Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Tiếng Việt – Lớp 1**

**Tên bài học: Ôn tập – Tiết 84**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Cô bé chăm chi.*

- Tìm đúng các tiếng trong bài có vần **am, ap, ăm, ăp.**

- Tập chép đúng chính tả 1 câu văn (chữ cỡ vừa).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

a. Giáo viên:Tranh ảnh ( như SGK)

b. Học sinh:*VBT Tiếng Việt 1,* tập một; Bộ đồ dùng thực hành Tiếng Việt 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (5 phút)**  - Ổn định  - GV giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (25 phút)**  **\* Hoạt động Luyện tập**  **BT 1 (Tập đọc)**  a. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài *Cô bé chăm chỉ.*  b. GV đọc mẫu.  c. Luyện đọc từ ngữ: **chăm chỉ, khắp nhà, ê a, đi xe đạp, khám, thú vị lắm.**  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài có 6 câu. / GV chỉ từng câu, HS đọc vỡ.  e. Đọc tiếp nối từng câu.  f. Thi đọc nối tiếp 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài (quy trình như các bài trước).  g. Tìm hiểu bài đọc:  - GV: Bé Chi chăm chỉ thế nào?  **BT 2 (Tìm trong bài đọc 1 tiếng có vần *am,* vần *ap,* vần *ăm,* vần *ăp)***  - GV nêu YC. / HS gạch chân tiếng có vần cần tìm trong VBT.  - HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả: Tiếng có vần **am: khám.** Tiếng có vần **ap: đạp.** Tiếng có vần **ăm: chăm, lắm.** Tiếng có vần **ăp: khắp.**  **BT 3 (Tập chép)**  - Gọi HS đọc trên bảng câu văn cần tập chép.  - Cả lớp đọc thầm câu văn; chú ý những từ các em dễ viết sai.  - HS nhìn mẫu, viết vào vở / VBT câu văn với chữ cỡ vừa.  - HS viết xong, soát lại bài; đổi bài để sửa lồi cho nhau.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.  **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp (5 phút)**  **-** HDHS củng cố bài  - Nhận xét tiết học  - GV nhắc HS về nhà xem trước bài 40 (âm, âp) | - HS hát  - HS lắng nghe  - HS nhắc đề  - HS lắng nghe  - HS luyện đọc.  - Cá nhân / từng cặp.  - HS đọc nối tiếp câu và thi đọc  - Bé đi khắp nhà, khi thì mở vở của chị đọc ê a; khi thì đi xe đạp; khi thì khám bệnh cho chó Lu.  - HS thực hiện  - HS báo cáo kết quả  - HS thực hiện  - HS viết vào vở  - HS soát bài  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**GDTC – Lớp 1**

**Tên bài học: Ôn ĐHĐN. Trò chơi: “Nhảy đúng, nhảy nhanh” – Tiết 14**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết thực hiện vệ sinh sân tập, chuẩn bị dụng cụ trong tập luyện.

- Thực hiện được nội dung về ĐHĐN đã học.

- Tích cực tham gia tập luyện.

**II. ĐỊA ĐIỂM – PHƯƠNG TIỆN**

**- Địa điểm**: Sân trường TH Hòa Quang Nam

**- Phương tiện:** GV và HS chuẩn bị trang phục thể thao,tranh ảnh minh họa bài học, một số dụng cụ phục vụ trò chơi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “ lộn cầu vồng”  **II. Phần cơ bản:**  **Hoạt động 1**  **\* Kiến thức.**  \* Đứng nghiêm, đứng nghỉ    \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Thi đua giữa các tổ  \* Trò chơi “Nhảy đúng, nhảy nhanh”  **Hoạt động 2**  **\*Kiến thức**  \*Tập hợp hàng dọc    **\* Luyện tập**  **Hoạt động 3**  **\* Kiến thức**  \*Dóng hàng dọc    \*Điểm số hàng dọc    **\* Luyện Tập**  **III.Kết thúc**  \* Thả lỏng cơ toàn thân.  \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS tự ôn ở nhà  \* Xuống lớp | 5 – 7’  2 x 8 N  16-18’  2 lần  2 lần  2 lần  1 lần  3-5’  4- 5’ | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - Gv HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - GV cho 2 HS quay mặt vào nhau tạo thành từng cặp để tập luyện.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  Tổ chức giảng dạy như hoạt động 1  Tổ chức giảng dạy như hoạt động 1  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN thực hiện lại bài tập: tập hợp hàng dọc, dàn hàng đứng nghiêm, nghỉ cho người thân xem. | Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  - Đội hình HS quan sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  ***ĐH tập luyện theo tổ***  GV  -ĐH tập luyện theo cặp  - Từng tổ lên thi đua - trình diễn  - Chơi theo đội hình hàng ngang  HS thực hiện thả lỏng  - ***ĐH kết thúc*** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Lớp 1**

**Tên bài học: Sinh hoạt lớp Chia sẻ thực hiện nề nếp sinh hoạt – Tiết 21**

**Thời gian thực hiện: ngày 26 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT** Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu biết tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện nền nếp sinh hoạt

- Bước đầu tự giác thực hiện nền nếp sinh hoạt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Giáo viên:** Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**b. Học sinh:** SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. Hoạt động mở đầu (3 phút)  - Ổn định**2. Hoạt động cơ bản: (15 phút)**  ***2.1. Nhận xét trong tuần 7***  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần*  *+ Tác phong, đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 8***  - Thực hiện dạy tuần 2, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Thực hiện nề nếp sinh hoạt.***  - GV cho lớp chia sẻ theo nhóm nhỏ với nội dung:  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở lớp, ở trường?  + Hãy nêu những việc em đã thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằng ngày ở nhà?  + Nêu cảm xúc của mình sau khi thực hiện được nền nếp trong sinh hoạt hằngngày ở lớp, ở trường và ở nhà.  - GV đánh giá chung kết quả thực hiện nền nếp sinh hoạt của HS.  - GV nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt ở nhà vàtrường.  **3. Củng cố và nối tiếp: (2 phút)**  - Nhắc lại các nội dung chính  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị tiết sau | - HS hát  - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS làm việc nhóm 4. Chia sẻ với nhau về các nội dung GV đưa ra:  + Ở trường: Xếp hàng, học bài, làm bài, vui chơi,…  + Ở nhà: Sáng ngủ dậy đánh răng, rửa mặt, ăn sáng, đi học….  + HS nêu cảm xúc của mình  - Lắng nghe.  - Theo dõi  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**